

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày: 12-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nguyễn Minh Chí;
 2. Ông Nguyễn Phước Nhân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Minh Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị Bạch T, sinh năm: 1971, nơi sinh: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu T trú: 769/39 đường A, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức L, sinh năm: 1951 và bà Đặng Thị S, sinh năm: 1951 (đã chết); chồng: Phạm Minh D, sinh năm: 1968; con: 01 người sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh N (tên gọi khác C), sinh năm: 1976, nơi sinh: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: D17/38 ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1939 và bà Trần Thị L, sinh năm: 1943; vợ: Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1976; con: 02 người sinh năm 1994 và năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Hoàng Diễm T, sinh năm: 1972, nơi sinh: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 16/22B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn D (đã chết) và bà Mai Thị A, sinh năm: 1939; chồng: Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1968; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Mai Thị C (tên gọi khác U), sinh năm: 1978, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Đ, sinh năm: 1940 (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1945; chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1978; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Thị Ngọc T1, sinh năm: 1975, nơi sinh: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: D14/12 ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức L, sinh năm: 1951 và bà Đặng Thị S, sinh năm: 1951 (đã chết); chồng: Lê Hữu P, sinh năm: 1967; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị Mỹ H (tên gọi khác là S), sinh năm: 1976, nơi sinh: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 372/22 Tỉnh lộ A, Khu phố A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 9/25B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H (đã chết) và bà Huỳnh Thị X, 63 tuổi; chồng: Tạ Thành T, sinh năm: 1975; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Huỳnh Văn T (tên gọi khác C), sinh năm: 1974, nơi sinh: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn K, sinh năm: 1954 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957; vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1973; con: 02 người, sinh năm 1995 và năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

8. Hà Minh Q, sinh năm: 1985, nơi sinh: thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T, sinh năm: 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955; vợ: Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm: 1985; con: 02 người, sinh năm 2011 và năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Thị Ngọc T1 (tên gọi khác là H), sinh năm: 1978, nơi sinh: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 900/1 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Hứa Thị Tố N, sinh năm: 1957; chồng: không có; con: 02 người, lớn sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

10. Trần Thị H (tên gọi khác là H), sinh năm: 1977, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: E1/64A ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm: 1951 và bà Lê Thị A, sinh năm: 1952; chồng: Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1976; con: 02 người, sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

11. Trần Thị D, sinh năm: 1971, nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V, sinh năm 1950 và bà Lê Thị A, sinh năm: 1952; chồng: không có; con: 02 người, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

12. Trần Thị L (tên gọi khác là B), sinh năm: 1968, nơi sinh: xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B1/22 ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S, sinh năm: không rõ và bà Trần Thị C, sinh năm: 1940; chồng: không có; con: 01 người, sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Kim P, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 33 Đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Phạm Minh D, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Số 16/22B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/02/2017, Vũ Thị Ngọc T dùng điện thoại di động số 0932.749.749 gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh N (Cò), Nguyễn Thị Mỹ H (S) và Mai Thị C (Út chị) đến nhà T ở ấp T, xã L, huyện C ăn đám giỗ rồi cùng chơi đánh bài ăn tiền thì mọi người đồng ý. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn uống xong Trần Thị H, Mỹ H, N và 02 người bạn của T tên là L và Nguyễn Kim L rủ nhau chơi đánh bài ăn tiền và kêu T mua bài giùm thì T đồng ý. Sau khi T mua 13 bộ bài về nhà, mọi người bắt đầu tổ chức đánh bài cào đếm nút ăn tiền tại nền gạch trong phòng khách. Tại đây mọi người thống nhất ai làm cái thắng nhiều thì cho Vũ Thị Ngọc T tiền xâu là 20.000 đồng/ván, còn thắng ít thì xâu cho T 10.000 đồng/ván. Lúc này T lấy 01 vỏ lon đựng sữa loại lớn đem lại chỗ đánh bài để mọi người bỏ tiền xâu vào đó. Tại phòng khách khi bắt đầu chơi có các tụ bài gồm: N, Trần Thị H, Nguyễn Kim L, L, Mỹ H và H (cháu Mỹ H) hùn tiền chung một tụ, các tụ bài làm cái xoay vòng, các tụ còn lại đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Khi mọi người đánh bài được khoảng 05 ván thì có Huỳnh Văn T (C), Hà Minh Q (T) đến cùng tham gia, trong đó Q không tham gia ngồi tụ mà ăn có tụ bài của N. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy có nhiều người tham gia đánh bài và sợ bị phát hiện nên T kêu mọi người vào trong phòng ngủ nhà T để tiếp tục đánh bài ăn tiền. Tại phòng ngủ của T có các con bạc tham gia đánh bài là N, Trần Thị H, Mỹ H, Nguyễn Kim L, L, T, Q, Trần Thị D, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L (B), Vũ Thị Ngọc T1 và đối tượng tên Hà, mọi người tiếp tục chơi bài cào đặt mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Lúc này những người trực tiếp ngồi tụ gồm: N, Trần Thị H, Nguyễn Kim L, Linh, Huỳnh Văn T mỗi người một tụ; Mỹ H và H hùn chung một tụ; Mai Hoàng Diễm T và Nguyễn Ngọc T cùng đặt 01 tụ; Q thì ban đầu tham gia đánh bài ăn có tụ bài của N nhưng sau đó trực tiếp ngồi tụ đặt cược riêng; Mai Thị C ban đầu tham gia ăn có tụ bài của L sau đó trực tiếp vào ngồi tụ riêng; Trần Thị L ban đầu tham gia ké tụ bài của N sau đó vào đặt tụ riêng; Trần Thị D tham gia đánh bài ăn có tụ bài của T; Vũ Thị Ngọc T1 tham gia đánh bài ăn ké tụ bài của T, T và Mỹ H; H tham gia đánh bài ăn ké tụ bài của Trần Thị H. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày, trong lúc mọi người đang tham gia đánh bài ăn tiền thì công an xã L phát hiện vụ việc nên lập biên bản và tạm giữ tiền trên chiếu bạc là 9.450.000 đồng và 13 bộ bài tây 52 lá.

Quá trình điều tra xác định được trong ngày 17/02/2017 có các đối tượng tham gia đánh bài ăn tiền tại nhà của Tuyết với số tiền tham gia cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thanh N (C) đem theo trong người 10.000.000 đồng, trong đó N đã dùng 8.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 5.000.000 đồng còn lại 3.000.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

2. Hà Minh Q (T) đem theo trong người 2.800.000 đồng, trong đó Q đã dùng 300.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 200.000 đồng còn lại

100.000 đồng khi công an phát hiện Q đã lén cất giấu vào trong túi chung với số tiền cá nhân.

3. Nguyễn Thị Mỹ H (S) đem theo trong người 700.000 đồng, H cùng với H là cháu H hùn tiền lại tham gia 01 tụ, trong đó H hùn 500.000 đồng còn H hùn 600.000 đồng, tổng cộng là 1.100.000 đồng, sau khi thua hết tiền thì H nghỉ, H tiếp tục mượn tiền của chồng là Tạ Thành T 600.000 đồng để tiếp tục tham gia đánh bài. Khi công an phát hiện lập biên bản thì H và H đã sử dụng 1.700.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua hết 1.100.000 đồng, còn 600.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

4. Trần Thị H (Hi) đem theo trong người 500.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 300.000 đồng còn lại 200.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

5. Huỳnh Văn T (C) đem theo trong người 9.500.000 đồng, trong đó T sử dụng 1.500.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 800.000 đồng còn lại 700.000 đồng bị thu giữ tại chiếu bạc.

6. Mai Thị C đem theo trong người 700.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua hết 700.000 đồng.

7. Mai Hoàng Diễm T đem theo trong người 1.500.000 đồng, T sử dụng 800.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả không thắng thua, T cất giấu số tiền trên trong người.

8. Nguyễn Ngọc T (H) đem theo trong người 500.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 300.000 đồng, còn lại 200.000 đồng T cất giấu trong người.

9. Trần Thị L (B) đem theo trong người 1.000.000 đồng, L sử dụng 300.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thắng 100.000 đồng, tất cả số tiền trên L đều cất vào trong người.

10. Trần Thị D đem theo 1.300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để tham gia đánh bài, thắng 100.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc và tiền thắng bạc là 400.000 đồng bị tạm giữ tại chiếu bạc.

11. Vũ Thị Ngọc T1 đem theo trong người số tiền 17.500.000 đồng, T1 sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thắng 500.000 đồng, khi công an phát hiện lập biên bản, T1 lén cất giấu tất cả số tiền trên vào trong tủ nhà Tuyết.

Tổng số tiền của các bị cáo và các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 16.600.000 đồng (8.000.000đ + 300.000đ + 1.700.000đ + 500.000đ + 1.500.000đ + 700.000đ + 800.000đ + 500.000đ + 300.000đ + 300.000đ + 2.000.000đ).

Vũ Thị Ngọc T khai nhận trong quá trình dùng nơi ở của mình cho các con bạc đánh bài ăn tiền vào ngày 17/02/2017 đến khi bị công an phát hiện thì T được mọi người cho tiền xâu là 60.000 đồng. Đối với điện thoại di động số 0932.749.749 mà T dùng để liên lạc với các đối tượng mời dự đám giỗ và rú

tham gia đánh bạc, khi công an vào lập biên bản Tuyết đã ném ra ngoài đường nên bị mất không tìm lại được.

Ngoài các đối tượng trên tham gia đánh bạc còn có các đối tượng Nguyễn Kim L, tên L, H, H1 có mặt tại nơi đánh bài, có tham gia đánh bài hoặc ké bài ăn tiền nhưng qua điều tra những đối tượng trên đã bỏ trốn, chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể. Đối với Tạ Thành T là chồng của Nguyễn Thị Mỹ H có mặt tại nơi đánh bài, Mỹ H khai T có tham gia ké 01-02 ván rồi nghỉ, hiện T đã bỏ trốn không mời làm việc được. Tại nơi đánh bài trong phòng ngủ của T có Trần Kim P là em ruột của Trần Thị H đến tìm H kêu về nhà có việc, P nhiều lần kêu H về nhưng H không đồng ý nên P ở lại xem đánh bài và chờ H về. Trong lúc chờ H về, P được mọi người kêu lật bài giùm cho H khi H ra ngoài 01 lần rồi tiếp tục ở lại xem mọi người đánh bài thì bị Công an phát hiện mời về làm việc.

Quá trình mời làm việc Công an tạm giữ thêm số tài sản trong người các đối tượng tham gia đánh bạc và số tài sản do các đối tượng tham gia đánh bạc, gá bạc giao nộp: số tiền 36.260.000 đồng, 11 điện thoại di động và 06 xe mô tô. Trong đó: 01 xe mô tô biển số 52N4-3453 do Mai Thị C giao nộp; số tiền 2.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia 1208 số sim 0933.522.220 và 01 xe mô tô biển số 62K9-6226 do Hà Minh Q giao nộp; số tiền 8.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu xám đen, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J2, 01 xe mô tô biển số 52P7-6091 do Huỳnh Văn T giao nộp; số tiền 1.100.000 đồng, 01 điện thoại di động Coocel màu đỏ đen, 01 xe mô tô biển số 54T1-2690 do Trần Thị L giao nộp; số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động Masstel màu đỏ đen và 01 xe mô tô biển số 63H1-1886 do Nguyễn Ngọc T giao nộp; số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung màu trắng đen do Nguyễn Thị Mỹ H giao nộp; số tiền 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động ZTE màu đen vàng và 01 xe mô tô biển số 59N2-64834 do Mai Hoàng Diễm T giao nộp; số tiền 1.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng đen do Trần Kim P giao nộp; số tiền 18.000.000 đồng của Vũ Thị Ngọc T1 giao nộp; số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Microsoft màu trắng đen của Trần Thị D giao nộp; số tiền 2.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen của Nguyễn Thanh N giao nộp; 60.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3 số sim 0932.709.749 của Vũ Thị Ngọc T giao nộp.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Vũ Thị Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”. Bị cáo đồng ý để cho các bị cáo khác mượn nhà của mình để đánh bạc và thu lợi bất chính, nên hành vi của bị cáo phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị Ngọc T1, Trần Thị D có hành vi cùng nhau đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 16.600.000 đồng là quy mô lớn nên đã phạm vào tội “Đánh bạc”.

Bản Cáo trạng số 14/QĐ-KSĐT, ngày 06-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Vũ Thị Ngọc T về tội: “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị Ngọc T1, Trần Thị D về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45; 53 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc T từ 01 (một) năm tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm.

- Áp dụng khoản 3 Điều 249 xử phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị Ngọc T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, s khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt Vũ Thị Ngọc T1, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị Mỹ H, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Xử phạt Hà Minh Q, Trần Thị H, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị D, mỗi bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

- Đối với các đối tượng tên Hòa, Nguyễn Kim L, L, H là những người mà các bị cáo đều xác định có tham gia đánh bài ăn tiền nhưng hiện đã bỏ trốn chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Đối với Tạ Thành T là người mà Nguyễn Thị Mỹ H khai thấy có tham gia ké bài bên ngoài, các bị cáo còn lại đều không xác định được có tham gia hay không. Hiện T đã bỏ địa phương chưa mời làm việc được nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã ra quyết định tách vụ án số 03 ngày 09/01/2018, để tiếp tục điều tra làm rõ đối với hành vi tham gia đánh bạc của H, Nguyễn Kim L, L, H và T. Riêng đối với Trần Kim P có mặt tại nơi đánh bài nhưng P không trực tiếp tham gia, P có hành vi lật bài giùm cho H 01 ván bài khi H đi ra ngoài nhưng không nhằm mục đích hưởng lợi, vai trò không đáng kể nên không cần thiết phải xử lý hình sự là phù hợp.

- Về vật chứng:

Đối với số tiền công an đang còn tạm giữ: 44.110.000 đồng, trong đó: 9.450.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 4.060.000 đồng thu giữ do các bị cáo và các đối tượng tham gia đánh bạc, gá bạc giao nộp, đây là tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi trong việc gá bạc, đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước; Số tiền còn lại là 30.600.000 đồng là tiền cá nhân của các bị cáo: Nguyễn Thanh N 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 200.000 đồng, Huỳnh Văn T 8.000.000 đồng, Hà Minh Q 2.500.000 đồng, Vũ Thị Ngọc T 15.500.000 đồng, Mai Hoàng Diễm T 700.000 đồng, Trần Thị L 700.000 đồng, Trần Thị D 1.000.000 đồng, đề nghị tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen sim số 0166.987.0273 của Trần Thanh N, 01 điện thoại di động Samsung GT-E1050 màu trắng đen số sim 0122.387.9328 của Nguyễn Thị Mỹ H, đây là phương tiện mà các bị cáo liên lạc với nhau trong việc tham gia đánh bạc và 01 điện thoại di động Masstel màu đỏ đen số sim 0126.478.4289 của Nguyễn Ngọc T không liên quan đến phạm tội nhưng bị cáo T từ chối nhận lại, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản này.

Đối với 13 bộ bài tây 52 lá là công cụ phạm tội, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/02/2017, Vũ Thị Ngọc T có hành vi đồng ý cho các con bạc sử dụng nhà của mình ở ấp T, xã L, huyện C tổ chức

đánh bài ăn tiền để lấy tiền xấu. Trong ngày 17/02/2017, tại nhà của T có 11 bị cáo và 05 đối tượng cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào đém nút ăn tiền với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 16.600.000 đồng. Cụ thể gồm các bị cáo và các đối tượng tham gia với số tiền như sau: Nguyễn Thanh N tham gia đánh bạc với số tiền 8.000.000 đồng, Hà Minh Q tham gia với số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H tham gia với số tiền 1.100.000 đồng, Trần Thị H tham gia với số tiền 500.000 đồng, Huỳnh Văn T tham gia với số tiền 1.500.000 đồng, Mai Thị C tham gia với số tiền 700.000 đồng, Mai Hoàng Diễm T tham gia 800.000 đồng, Nguyễn Ngọc T tham gia 500.000 đồng, Trần Thị L tham gia 300.000 đồng, Trần Thị D tham gia 300.000 đồng, Vũ Thị Ngọc T1 tham gia 2.000.000 đồng, tên H cháu của H tham gia với số tiền 600.000 đồng và các đối tượng Nguyễn Kim L, tên L, H, Tạ Thành T tham gia nhưng không rõ số tiền. Trong thời gian T cho các bị cáo và các đối tượng sử dụng nhà của T đánh bạc thì T được hưởng lợi là 60.000 đồng. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi các bị cáo và các đối tượng đang tham gia đánh bạc thì bị Công an xã L, huyện C phát hiện lập biên bản mời về làm việc, qua đó các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

[3] Do đó, hành vi của bị cáo Vũ Thị Ngọc T đã phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị Ngọc T1, Trần Thị D đã phạm tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi gá bạc và đánh bạc này là một trong các nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn hoặc tội phạm khác, để lại hậu quả xấu cho xã hội. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn. Đối với bị cáo T nhận thức được hành vi tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của mình là vi phạm pháp luật nhưng cố ý vi phạm. Các bị cáo còn lại cũng nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thu lợi bất chính nhanh chóng mà các bị cáo bất chấp pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm, phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo có cân nhắc theo mức độ phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[6] Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị

Ngọc T1, Trần Thị D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[7] Đối với bị cáo N có thành tích xuất sắc tình nguyện tham gia hiến máu nhân đạo 20 lần liên tục nhiều năm được tặng thưởng bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngoài ra, bị cáo N có cha mẹ ruột có công cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến và kỷ niệm chương kháng chiến, bị cáo L có gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo T đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[8] Xét tính chất, mức độ của hành vi do các bị cáo thực hiện thấy rằng bị cáo T là người cho mượn nhà, tạo ra các điều kiện cần thiết để các bị cáo khác đánh bạc tại nhà của mình để hưởng lợi. Cho nên, hình phạt của bị cáo T phải cao hơn các bị cáo còn lại. Trong số các bị cáo tham gia đánh bạc thì bị cáo N tham gia từ đầu cho đến khi bị bắt và số tiền của bị cáo dùng vào đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại, nên hình phạt của bị cáo N phải cao hơn các bị cáo đánh bạc còn lại. Các bị cáo Vũ Thị Ngọc T1, Huỳnh Văn T và Nguyễn Thị Mỹ H tham gia đánh bạc với số tiền gần bằng nhau và thấp hơn bị cáo N, nhưng số tiền tham gia đánh bạc nhiều hơn các bị cáo còn lại là Hà Minh Q, Trần Thị H, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T và Trần Thị D. Do đó, mức phạt của các bị cáo Vũ Thị Ngọc T1, Huỳnh Văn T và Nguyễn Thị Mỹ H là bằng nhau, thấp hơn bị cáo N và cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với bị cáo Trần Thị L tham gia số tiền 300.000 đồng nhưng tham gia không xuyên suốt, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên mức phạt là thấp nhất.

[9] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Vũ Thị Ngọc T lần phạm tội là phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn có thể cải tạo tại giáo dục được bị cáo. Ngoài việc áp dụng hình phạt chính nêu trên, thì cần thiết phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với Vũ Thị Ngọc T để sung vào công quỹ Nhà nước. Các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị Ngọc T1, Trần Thị D đều có nhân thân tốt, số tiền đánh bạc của các bị cáo không nhiều, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng diễn biến của vụ án, loại hình phạt và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[11] Đối với các đối tượng tên H, Nguyễn Kim L, L, H là những người mà các bị cáo đều xác định có tham gia đánh bài ăn tiền nhưng hiện đã bỏ trốn

chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể. Đối với Tạ Thành T là người mà Nguyễn Thị Mỹ H khai thấy có tham gia ké bài bên ngoài, các bị cáo còn lại đều không xác định được có tham gia hay không. Hiện T đã bỏ địa phương chưa mời làm việc được nên chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc đã ra quyết định tách vụ án số 03 ngày 09/01/2018, để tiếp tục điều tra làm rõ đối với hành vi tham gia đánh bạc của H, Nguyễn Kim L, L, H và T. Riêng đối với Trần Kim P có mặt tại nơi đánh bài nhưng P không trực tiếp tham gia, P có hành vi lật bài giùm cho H 01 ván bài khi H đi ra ngoài nhưng không nhằm mục đích hưởng lợi, vai trò không đáng kể nên không cần thiết phải xử lý hình sự.

[12] Số tiền 1.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng đen là tài sản của Trần Kim P; 01 xe mô tô biển số 52P7-6091, 01 điện thoại di động Nokia 1280 và 01 điện thoại di động Samsung J2 là tài sản cá nhân của Huỳnh Văn T; 01 điện thoại di động Coocel màu đỏ đen, 01 xe mô tô biển số 54T1-2690 là tài sản cá nhân của Trần Thị L; 01 xe mô tô biển số 52N4-3453 là tài sản của Mai Thị C; 01 xe mô tô biển số 63H1-1886 là tài sản của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại di động Nokia 1208 và 01 xe mô tô biển số 62K9-6226 là tài sản của Hà Minh Q; 01 điện thoại di động ZTE màu đen vàng và 01 xe mô tô biển số 59N2-64834 là tài sản của Mai Hoàng Diễm T; 01 điện thoại di động Microsoft màu trắng đen là tài sản của Trần Thị D, 01 điện thoại di động Samsung J3 số sim 0932.709.749 là tài sản của Vũ Thị Ngọc T. Tất cả số tài sản trên không liên quan đến việc đánh bạc, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cần Giuộc đã xử lý trao trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[13] Về vật chứng:

Đối với số tiền công an đang còn tạm giữ: 44.110.000 đồng, trong đó: 9.450.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và số tiền 4.060.000 đồng thu giữ do các bị cáo và các đối tượng tham gia đánh bạc, gá bạc giao nộp, đây là tiền dùng vào việc đánh bạc và tiền thu lợi trong việc gá bạc, nên tịch thu sung công quỹ nhà nước; Số tiền còn lại là 30.600.000 đồng là tiền cá nhân của các bị cáo: Nguyễn Thanh N 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 200.000 đồng, Huỳnh Văn T 8.000.000 đồng, Hà Minh Q 2.500.000 đồng, Vũ Thị Ngọc T 15.500.000 đồng, Mai Hoàng Diễm T 700.000 đồng, Trần Thị L 700.000 đồng, Trần Thị D 1.000.000 đồng, tiếp tục tạm giữ đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen sim số 0166.987.0273 của Trần Thanh N, 01 điện thoại di động Samsung GT-E1050 màu trắng đen số sim 0122.387.9328 của Nguyễn Thị Mỹ H, 01 điện thoại di động Masstel màu đỏ đen số sim 0126.478.4289 của Nguyễn Ngọc T, đây là phương tiện mà các bị cáo liên lạc với nhau trong việc tham gia đánh bạc, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 13 bộ bài tây 52 lá là công cụ phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc T phạm tội: “Gá bạc”, các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thị Mỹ H, Trần Thị H, Huỳnh Văn T, Hà Minh Q, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị L, Vũ Thị Ngọc T1, Trần Thị D phạm tội: “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45 và 53; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12/3/2018.

Giao bị cáo Vũ Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện thì Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện.

- Áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, buộc bị cáo Vũ Thị Ngọc T nộp 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, s khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 15.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt Vũ Thị Ngọc T1, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị Mỹ H, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt Hà Minh Q, Trần Thị H, Mai Thị C, Mai Hoàng Diễm T, Nguyễn Ngọc T, Trần Thị D, mỗi bị cáo 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 30; 45 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các tài sản gồm:

- Số tiền 13.510.000 đồng. (theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C)

- 01 điện thoại di động Nokia 105 màu xanh đen sim số 0166.987.0273; 01 điện thoại di động Samsung GT-E1050 màu trắng đen số sim 0122.387.9328; 01 điện thoại di động Masstel màu đỏ đen số sim 0126.478.4289. (Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/02/2017 của Công an huyện C)

- Tịch thu và tiêu hủy: 13 bộ bài tây 52 lá. (Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 17/02/2017 của Công an huyện C)

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 30.600.000 đồng là tiền cá nhân của các bị cáo, gồm: Nguyễn Thanh N 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 200.000 đồng, Huỳnh Văn T 8.000.000 đồng, Hà Minh Q 2.500.000 đồng, Vũ Thị Ngọc T1 15.500.000 đồng, Mai Hoàng Diễm T 700.000 đồng, Trần Thị L 700.000 đồng, Trần Thị D 1.000.000 đồng, sau khi thi hành án xong phần hình phạt bổ sung và án phí thì số tiền còn lại được trả lại cho các bị cáo. (theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C)

Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm

